

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2017/HSST
Ngày 27/6/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tuấn – Phó trưởng phòng GD&ĐT huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Nguyễn Văn Mười – CB nghỉ chế độ hưu trí.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Chu Văn Hiện - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2017, tại UBND xã H, huyện Đ, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 26/2017/HSST ngày 12/5/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **HOÀNG VĂN B – 03/9/1989**

Trú tại: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 9/12; Bố đẻ: Hoàng Văn B1 - 1954; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H - 1957. Có vợ là Nguyễn Triệu A – 1988 và 01 con.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2016. Có mặt tại phiên tòa.

• Người làm chứng:

1. Trần Thị L - 1992 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm 7, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. H – 1989 (vắng mặt)

Trú tại: xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. P – 1989 (vắng mặt)

Trú tại: xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

4. N – 1995 (vắng mặt)

Trú tại: xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. S – 1997 (vắng mặt)

Trú tại: xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN THẤY

Bị cáo B bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 15h50' ngày 15/12/2016 Công an xã H và Công an huyện Đ lập biên bản sự việc đối với P và H đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm 01 bật lửa ga màu đỏ, 01 mảnh giấy bạc bị đốt cháy một mặt. P và H khai nhận số ma túy mà P và H vừa sử dụng là do P và H mua của B trú tại xóm L, xã H. Vụ việc được chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ vào tài liệu xác minh ngày 16/12/2016 Công an huyện Đ đã tiến hành khám xét khẩn cấp người, nơi ở và đồ vật đối với B. Kết quả khám xét thu giữ 01 gói nhỏ gói bằng giấy bạc màu vàng bên trong có chứa chất bột màu trắng B khai là Heroin. 02 điện thoại di động. 01 quyển sổ màu đen, 01 quyển vở kẻ ngang. 01 mảnh giấy bạc màu vàng. 01 dao lam, 04 mảnh túi ni lon. 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tổng hợp dạng đá và 200.000đ tiền mặt.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra Quyết định trưng cầu giám định trọng lượng (khối lượng) chất bột thu giữ của B có phải là ma túy không. Loại ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 106/KL-PC54 ngày 20/12/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận số chất bột màu trắng thu giữ của B là Heroin có trọng lượng (khối lượng) là 0,022 gam.

Tại cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, B khai nhận: Bản thân B là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 19h ngày 13/12/2016 B mua của Đào Xuân Thông – 1981, trú tại xóm Đình 6, xã B 10 gói nhỏ và 01 phân ma túy loại Heroin và 01 gói ma túy tổng hợp dạng đá với giá 2.000.000đ trên thuyền ở lòng Hồ Núi Cốc. Số ma túy trên B chia ra thành nhiều gói nhỏ để sử dụng và bán lại cho người khác. Cụ thể khoảng 13h ngày 14/12/2016 khi B đang ở nhà thì có N và S đến nhà B mua 100.000đ ma túy tổng hợp dạng đá. B đồng ý bán cho N và S 100.000đ ma túy tổng hợp dạng đá. Sau khi mua được ma túy, N và S hỏi mượn dụng cụ và phòng ngủ của B để sử dụng ma túy. B đồng ý và lấy dụng cụ cho N và S sử dụng ma túy tại nhà của mình. Khi đó có L là bạn của B biết. Đến khoảng

15h ngày 15/12/2016 có P và H đến nhà B hỏi mua ma túy. P đưa cho B 200.000đ hỏi mua 01 gói ma túy giá 100.000đ. B đồng ý lấy ra 01 gói ma túy đưa cho P. H hỏi mua của B nửa phân ma túy. B đồng ý và H đưa cho B 250.000đ. B cầm tiền và đi lên gác. Lúc sau B xuống đưa cho H 01 gói giấy màu trắng đưa cho H. Ngay sau đó P nói bán nốt cho H 100.000đ. B lấy trong túi quần đang mặc đưa cho P 01 gói ma túy nữa. Sau đó P và H đi về.

Tại bản cáo trạng số 28/ KSĐT-MT ngày 11/5/2017 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố B về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 và tội “ Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy ” theo điểm d khoản 2 Điều 198 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; Điểm d khoản 2 Điều 198; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 50 của BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo mức án từ 7 năm 6 tháng – 8 năm tù về tội “ mua bán trái phép chất ma túy”. Từ 7 năm 6 tháng đến 08 năm tù về tội “ Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung từ 15 đến 16 năm tù. Xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định sung công quỹ nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên của bị cáo.

XÉT THẤY

Việc Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo B về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của BLHS và tội “ Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy ” theo điểm d khoản 2 Điều 198 của BLHS là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh qua lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay như sau:

B khai: Bản thân bị cáo là người nghiện ma túy. Khoảng 19h ngày 13/12/2016 bị cáo mua của Thông, trú tại xóm Đình 6, xã B 01 phân ma túy, 10 gói nhỏ ma túy loại Heroin và 01 giờ ma túy tổng hợp dạng đá với giá là 2.000.000đ trên thuyền ở lòng Hồ Núi Cốc. Số ma túy trên bị cáo chia nhỏ thành nhiều gói để sử dụng và bán lại cho người khác. Khoảng 13h ngày 14/12/2016 bị cáo bán cho S và N 100.000đ loại ma túy tổng hợp dạng đá. Sau đó bị cáo cho S và N mượn dụng cụ và phòng ngủ của bị cáo để S và N sử dụng ma túy. Khoảng 15h ngày 15/12/2016 bị cáo bán cho H 01 gói ma túy loại Heroin với giá 250.000đ và P 02 gói ma túy với giá 200.000đ.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng (BL 75 – 82; 92- 96; 98-117), kết luận giám định. Hành vi bán ma túy B cho N và S vào ngày 14/12/2016 và cho P và H vào ngày 15/12/2016 đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” phạm vào điểm b khoản 2 Điều 194 của BLHS. Hành vi cho N và S sử dụng ma túy tại nơi ở của mình của B đã phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” phạm vào điểm d khoản 2 Điều 198 của BLHS.

Tại Điều 194 của BLHS năm 1999 quy định

1. *Người nào... mua bán... trái phép... chất ma túy, thì bị PH tù từ hai năm đến bảy năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị PH tù bảy năm đến mười lăm năm.*

...

b) *Phạm tội nhiều lần.*

Tại Điều 198 của BLHS năm 1999 quy định

3. *Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất cứ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị PH tù từ hai năm đến bảy năm.*

4. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị PH tù bảy năm đến mười lăm năm.*

...

d) *Đối với nhiều người.*

Do vậy bị cáo phải chịu hình PH mà điều luật quy định.

Xét tính chất hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy và góp phần lây lan tệ sử dụng ma túy và xâm phạm đến trật tự công cộng. Như chúng ta biết ma túy là chất gây nghiện, khi sử dụng nó làm cho con ngườiL thuộc vào nó, làm cho con người mất nhân cách và là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác. Chính vì thế Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xét tình tiết tăng nặng TNHS thì thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào đối với cả hai tội.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS (Đối với cả hai tội). Ngoài ra trong quá trình nghị án HĐXX coi tình tiết bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của BLHS.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Cho đến thời điểm phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên đây là tình tiết nhân thân khi HĐXX nghị án và lượng hình pH.

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo thì thấy cần lên cho bị cáo mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy ” . 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “ Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” buộc bị cáo chấp hành hình pH chung từ 15 năm 06 tháng đến 16 năm tù là phù hợp.

Về hình pH bổ sung: Bị cáo là người nghiện, tài sản và thu nhập thấp nên miễn hình pH bổ sung là pH tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: 02 phong bì niêm phong ký hiệu M và B2, 01 quyển sổ màu đen, 01 quyển vở, 01 mảnh giấy bạc, 08 mảnh giấy, 01 dao tem, 04 túi ni lin, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy dạng đá cần tịch thu tiêu hủy. 02 điện thoại di động trong phong bì niêm phong và 200.000đ thu giữ của bị cáo để đảm bảo việc thi hành án. Số tiền bán ma túy cho P, H, N và S là 550.000đ cần buộc bị cáo nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định để sung công quỹ nhà nước.

Trong vụ án này bị cáo B khai mua ma túy của T nhưng T không thừa nhận. Ngoài lời khai của B không còn chứng cứ nào khác nên không có cơ sở xử lý đối với T.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Hoàng Văn B phạm tội; “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội: “ Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194; Điểm d khoản 2 Điều 198; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50 của BLHS. Điều 228 BLTTHS.

Xử pH: Hoàng Văn B 08 năm tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” . 07 năm tù về tội “ Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo B phải chấp hành là 15 năm tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 16/12/2016. Tạm giam bị cáo B 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

***Về vật chứng:** Áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS.

- Buộc B nộp vào ngân sách Nhà nước 550.000đ tiền bán ma túy.

- Tịch thu tiêu hủy 02 Phong bì niêm phong ký hiệu M và B2, 01 quyển sổ màu đen, 01 quyển vở, 01 mảnh giấy bạc, 08 mảnh giấy, 01 dao tem, 04 túi ni lon, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy dạng đá.

- Tạm giữ 200.000đ , 02 điện thoại của bị cáo B để đảm bảo việc thi hành án.

***Về án phí:** Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, Lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo B phải chịu 200.000đ án phí HSST sung công.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**